

ĐỀ 1

(Đề gồm: 12 câu TN; 6 bài TL)

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm).** Chọn chữ cái trước đáp án đúng nhất.

**Câu 1:** Biểu thức nào là đơn thức trong các biểu thức sau?

- A.  $-15xy^2$       B.  $2x^2 + \frac{3}{4}$       C.  $4x(5 + y)$       D.  $\frac{5x}{2y}$

**Câu 2.** Cho đơn thức  $3^2x^2y^4$ . Đơn thức nào dưới đây đồng dạng với đơn thức đã cho?

- A.  $-3^2x^4y^2$ .      B.  $7x^2y^4$ .      C.  $\frac{1}{3}x^6$ .      D.  $-9x^4y^6$ .

**Câu 3.** Kết quả của phép chia  $5x^2y^5 : 10x^2y^3$  là

- A.  $y^4$ .      B.  $\frac{1}{2}xy^3$ .      C.  $50x^4y^8$ .      D.  $\frac{1}{2}y^2$ .

**Câu 4:** Đơn thức:  $\frac{2}{3}x^2y^3\left(\frac{-5}{3}x^2z\right)$  có bậc bằng bao nhiêu?

- A. 5      B. 6      C. 7      D. 8

**Câu 5:** Đa thức:  $2x^5y^2 + \frac{2}{5}x^2y - x^2y^2$  chia hết cho đơn thức nào?

- A.  $x^2z$       B.  $\frac{3}{2}x^2y^2$       C.  $xy$       D.  $x^2y^3$

**Câu 6:** Đa thức:  $-y^5 + 2x^2y - x^2y^2 + y^5 - 3$  có bậc bằng bao nhiêu?

- A. 3      B. 4      C. 5      D. 6

**Câu 7.** Cho tứ giác ABCD có  $\widehat{A} + \widehat{B} = 140^\circ$ . Khi đó  $\widehat{C} + \widehat{D} = ?$

- A.  $200^\circ$ .      B.  $220^\circ$ .      C.  $160^\circ$ .      D.  $130^\circ$ .

**Câu 8:** Tứ giác ABCD có  $\widehat{A} = 120^\circ, \widehat{B} = 56^\circ, \widehat{C} = 72^\circ$ . Số đo góc D bằng bao nhiêu?

- A.  $\widehat{D} = 112^\circ$       B.  $\widehat{D} = 92^\circ$       C.  $\widehat{D} = 102^\circ$       D.  $\widehat{D} = 79^\circ$

**Câu 9:** Chọn phương án **sai** trong các phương án sau:

- A. Tứ giác có hai cạnh đối song song là hình thang  
B. Hình thang có hai cạnh bên song song là hình bình hành  
C. Tứ giác có bốn góc vuông là hình vuông  
D. Tứ giác có hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm mỗi đường là hình bình hành

**Câu 10:** Chọn phương án **đúng** trong các phương án sau:

- A. Trong hình thang cân có hai cạnh bên bằng nhau  
B. Trong hình thoi có hai đường chéo bằng nhau  
C. Trong hình chữ nhật có hai đường chéo vuông góc  
D. Trong hình bình hành có đường chéo là tia phân giác của các góc

**Câu 11:** Chọn phương án **đúng** trong các phương án sau:

- A. Hình bình hành là hình chữ nhật  
B. Hình chữ nhật vừa là hình bình hành, vừa hình thang cân  
C. Trong hình bình hành có hai đường chéo vuông góc  
D. Hình bình hành có đường chéo là tia phân giác của một góc là hình chữ nhật

**Câu 12:** Chọn phương án **đúng** trong các phương án sau:

- A. Tứ giác có hai cạnh đối song song là hình bình hành
- B. Hình thang có hai cạnh bên bằng nhau là hình thang cân
- C. Tứ giác có hai đường chéo bằng nhau là hình chữ nhật
- D. Hình thang có hai góc kề một đáy bằng nhau là hình thang cân

**PHẦN II. TỰ LUẬN (7,0 điểm).**

**Bài 1 (1,0 điểm).**

Cho đa thức:  $A = 5x^2y^3 - 4xy^2 - 3x^2y^3 + 4xy^2 + 3$

a) Thu gọn đa thức A.

b) Tính giá trị của A khi  $x = -2$  và  $y = 1$ .

**Bài 2 (1,5 điểm).**

a) Cho hai đa thức:  $M = 2x^2y - 6xy + x^2 + 7$  và  $N = 3xy + 5x^2 - 2x^2y - 8$ . Tính  $M + N$

b) Chứng minh giá trị của biểu thức sau không phụ thuộc vào giá trị của biến:

$$A = (x - 2y)(x^2 + 2xy + 4y^2) - (x^3 - 8y^3 + 15)$$

c) Thực hiện phép chia:  $(6x^5y^3 - 5x^3y^4 + 8x^3y^3) : (2x^2y^2)$

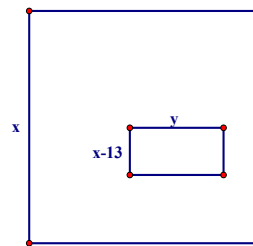
**Bài 3 (1,0 điểm):** Tìm x, biết :

a)  $2(x+1) + 3(x-5) = 7$

b)  $(x-2)(x+1) - (x+5)(x-3) = 4$

**Bài 4 (0,5 điểm).**

Khu vườn nhà bác Mạnh có dạng hình vuông với độ dài cạnh là  $x$  (m). Trong khu vườn, bác đào một cái ao thả cá có dạng hình chữ nhật có độ dài hai cạnh là  $x-13$  (m) và  $y$  (m). Phần đất còn lại bác dùng để trồng rau. Viết đa thức tính diện tích phần đất trồng rau nhà bác Mạnh theo  $x$  và  $y$ ?



**Bài 5 (2,5 điểm).**

Cho tam giác ABC vuông tại A ( $AB < AC$ ). Gọi M là trung điểm của BC. Từ M kẻ MH vuông góc với AB tại H; kẻ MK vuông góc với AC tại K.

a) Chứng minh: Tứ giác AHMK là hình chữ nhật? (1 điểm)

b) Chứng minh:  $MH = KC$  và tứ giác CMHK là hình bình hành (1 điểm)

c) Trên tia đối của tia HM lấy điểm E sao cho H là trung điểm của ME. Gọi O là giao điểm của AM và HK. Chứng minh : 3 điểm E;O; C thẳng hàng (0,5 điểm)

**Bài 6 (0,5 điểm) :** Tính giá trị của biểu thức:

$$M = x^{10} - 2025x^9 + 2025x^8 - 2025x^7 + \dots - 2025x^3 + 2025x^2 - 2025x + 2025 \text{ với } x = 2024$$

.....**HẾT**.....

ĐỀ 2

(Đề gồm: 12 câu TN; 6 bài TL)

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm).** Chọn chữ cái trước đáp án đúng nhất.

**Câu 1:** Biểu thức nào là đơn thức trong các biểu thức sau?

- A.  $\frac{x}{y}$                       B.  $x^2 + 1$                       C.  $2x - y$                       D.  $\frac{-5}{7}x$

**Câu 2:** Đơn thức:  $\frac{2}{3}x^2y\left(\frac{17}{20}x^2z^3\right)$  có bậc bằng bao nhiêu?

- A. 8                      B. 7                      C. 6                      D. 5

**Câu 3.** Thu gọn đa thức  $P = -2xy + \frac{3}{2}xy^2 - 1 + \frac{1}{2}xy^2 + xy$  ta được:

- A.  $P = 2xy^2 - xy - 1$ ;                      B.  $P = -3xy + 2xy^2 - 1$   
C.  $P = -xy + xy^2 - 1$                       D.  $P = -xy + 2xy^2$

**Câu 4:** Đơn thức nào đồng dạng với đơn thức:  $\frac{-1}{2}x^3y^2$ ?

- A.  $\frac{-1}{2}x^3y$                       B.  $7y^2x^3$                       C.  $2x^2y^3$                       D.  $3x^2y$

**Câu 5:** Đa thức:  $-2x^5 + 2x^2y - xy^3 + 2x^5 - 3$  có bậc bằng bao nhiêu?

- A. 6                      B. 5                      C. 4                      D. 3

**Câu 6 :** Đa thức  $7x^3y^2z - 2x^4y^3$  chia hết cho đơn thức nào dưới đây?

- A.  $3x^4$ .                      B.  $-3x^4$ .                      C.  $-2x^3y$ .                      D.  $2xy^3$ .

**Câu 7:** Cho  $ABCD$  là hình thang cân ( $AB \parallel CD$ ). Biết  $\widehat{ABC} = 120^\circ$  thì  $\widehat{ADC}$  bằng:

- A.  $60^\circ$                       B.  $120^\circ$                       C.  $150^\circ$                       D.  $30^\circ$

**Câu 8:** Tứ giác  $ABCD$  có  $\widehat{A} = 140^\circ, \widehat{B} = 56^\circ, \widehat{C} = 72^\circ$ . Số đo góc D bằng bao nhiêu?

- A.  $\widehat{D} = 112^\circ$                       B.  $\widehat{D} = 92^\circ$                       C.  $\widehat{D} = 102^\circ$                       D.  $\widehat{D} = 79^\circ$

**Câu 9:** Chọn phương án **đúng** trong các phương án sau:

A. Tứ giác có hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường và bằng nhau là hình chữ nhật

B. Hình thang có hai cạnh bên song song là hình chữ nhật

C. Tứ giác có bốn góc vuông là hình vuông

D. Tứ giác có hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm mỗi đường và vuông góc là hình vuông

**Câu 10:** Tìm câu **sai** trong các câu sau:

A. Hình chữ nhật có hai cạnh kề bằng nhau là hình vuông

B. Hình chữ nhật có hai đường chéo vuông góc là hình vuông

C. Hình chữ nhật có một đường chéo là đường phân giác của một góc là hình vuông

D. Hình chữ nhật có bốn góc vuông là hình vuông

**Câu 11:** Chọn phương án **sai** trong các phương án sau:

A. Hình thang có hai đường chéo bằng nhau là hình thang cân

B. Hình thang có hai cạnh bên bằng nhau là hình thang cân

C. Tứ giác có hai cạnh đối song song và hai đường chéo bằng nhau là hình thang cân

D. Hình thang có 2 góc kề một đáy bằng nhau là hình thang cân

**Câu 12:** Trong các câu sau, câu nào **đúng**?

- A. Trong hình bình hành, hai đường chéo bằng nhau
- B. Trong hình thoi, hai đường chéo vuông góc
- C. Trong hình thang, hai đường chéo bằng nhau
- D. Trong hình vuông, hai đường chéo song song

**PHẦN II. TỰ LUẬN (7,0 điểm).**

**Bài 1 (1,0 điểm).**

Cho đa thức:  $A = 2x^3y^2 - 5xy - x^3y^2 + 5xy + 6$

- a) Thu gọn đa thức A.
- b) Tính giá trị của A khi  $x = -1$  và  $y = 2$ .

**Bài 2 (1,5 điểm).**

- a) Cho hai đa thức:  $M = 4xy^3 - 2xy + y^2 + 6$  và  $N = 5xy - 4xy^3 - 3y^2 - 10$ . Tính  $M + N$
- b) Chứng minh giá trị của biểu thức sau không phụ thuộc vào giá trị của biến

$$A = (x + 2y)(x^2 - 2xy + 4y^2) - (x^3 + 8y^3 - 12)$$

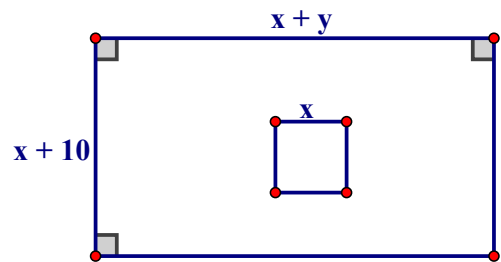
- c) Thực hiện phép chia:  $(12x^4y^2 - 5x^3y^4 + 12x^2y^2) : (4xy^2)$

**Bài 3 (1,0 điểm).** Tìm x, biết :

- a)  $3(x - 7) + 5(x + 2) = 13$
- b)  $(x - 4)(x + 1) - (x + 2)(x - 3) = 10$

**Bài 4 (0,5 điểm).**

Khu vườn nhà bác Nam có dạng hình chữ nhật có độ dài hai cạnh lần lượt là  $x + 10$  (m) và  $x + y$  (m). Trong khu vườn, bác đào một cái ao thả cá có dạng hình vuông với độ dài cạnh là  $x$  (m). Phần đất còn lại bác dùng để trồng rau. Viết đa thức tính diện tích phần đất trồng rau nhà bác Nam theo x và y?



**Bài 5 (2,5 điểm).**

Cho tam giác ABC vuông tại A ( $AB < AC$ ). Gọi M là trung điểm của BC. Từ M kẻ MD vuông góc với AB tại D; kẻ ME vuông góc với AC tại E.

- a) Chứng minh: Tứ giác ADME là hình chữ nhật? **(1 điểm)**
- b) Chứng minh:  $ME = DB$  và tứ giác MBDE là hình bình hành **(1 điểm)**
- c) Trên tia đối của tia EM lấy điểm K sao cho E là trung điểm của MK. Gọi I là giao điểm của AM và DE. Chứng minh: 3 điểm B, I, K thẳng hàng **(0,5 điểm)**

**Bài 6 (0,5 điểm).** Tính giá trị của biểu thức:

$$M = x^{10} - 2026x^9 + 2026x^8 - 2026x^7 + \dots - 2026x^3 + 2026x^2 - 2026x + 2026 \text{ với } x = 2025$$

.....**HẾT**.....

**MA TRẠ ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA KÌ I – TOÁN 8**  
**NĂM HỌC 2025 – 2026**

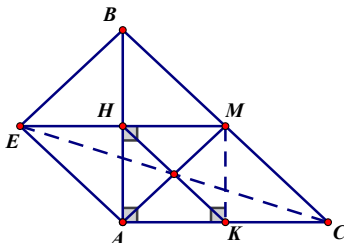
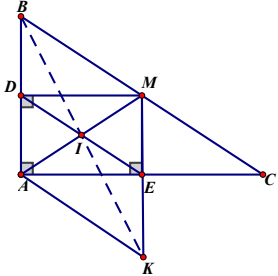
| TT<br>(1)   | Chương<br>/Chủ đề<br>(2) | Nội<br>dung/đơn<br>vị kiến<br>thức<br>(3)                                                                       | Mức độ đánh giá<br>(4-11)       |                              |                          |                                          |          |                        |                    |    | Tổng<br>%<br>điểm<br>(12) |      |  |      |
|-------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------|--------------------------|------------------------------------------|----------|------------------------|--------------------|----|---------------------------|------|--|------|
|             |                          |                                                                                                                 | Nhận biết                       |                              | Thông hiểu               |                                          | Vận dụng |                        | Vận<br>dụng<br>cao |    |                           |      |  |      |
|             |                          |                                                                                                                 | TNKQ                            | TL                           | TNKQ                     | TL                                       | TNKQ     | TL                     | TNKQ               | TL |                           |      |  |      |
| 1           | Biểu<br>thức<br>đại số   | Đa thức<br>nhiều<br>biến. Các<br>phép<br>toán<br>cộng,<br>trừ,<br>nhân,<br>chia các<br>đa thức<br>nhiều<br>biến | 4c<br>Câu<br>1,2,3,4<br>1,0đ    |                              |                          |                                          |          |                        |                    |    |                           | 10   |  |      |
|             |                          |                                                                                                                 |                                 |                              | 2c<br>Câu<br>5,6<br>0,5đ | 1c<br>Câu<br>13<br>0,5đ                  |          |                        |                    |    |                           | 10   |  |      |
|             |                          |                                                                                                                 |                                 |                              |                          |                                          |          | 1<br>câu<br>14<br>3,0đ |                    |    |                           | 30   |  |      |
| 2           | Tứ giác                  | Tứ giác                                                                                                         | 1 c<br>Câu 7<br>0,25đ           |                              |                          |                                          |          |                        |                    |    |                           | 2,5  |  |      |
|             |                          |                                                                                                                 |                                 |                              | 1 c<br>Câu 8<br>0,25đ    |                                          |          |                        |                    |    |                           | 2,5  |  |      |
|             |                          | Tính<br>chất và<br>dấu hiệu<br>nhận<br>biết các<br>tứ giác<br>đặc biệt                                          | 4c<br>Câu<br>9,10,11,12<br>1,0đ | 1/3 c<br>Câu<br>16a<br>0,75đ |                          |                                          |          |                        |                    |    |                           | 17,5 |  |      |
|             |                          |                                                                                                                 |                                 |                              |                          | 1+2/3<br>c<br>Câu<br>15,<br>16bc<br>2,75 |          |                        |                    |    |                           | 27,5 |  |      |
| Tổng        |                          |                                                                                                                 | 9c                              |                              | 1/3c                     |                                          | 3c       |                        | 2+2/3c             |    | 1c                        |      |  | 16c  |
| Điểm        |                          |                                                                                                                 | 2,25                            |                              | 0,75                     |                                          | 0,75     |                        | 3,25               |    | 3,0                       |      |  | 10   |
| Tỉ lệ %     |                          |                                                                                                                 | 22,5%                           |                              | 7,5%                     |                                          | 7,5%     |                        | 32,5%              |    | 30%                       |      |  | 100% |
| Tỉ lệ chung |                          |                                                                                                                 | 30%                             |                              |                          | 40%                                      |          |                        | 30%                |    |                           | 0    |  | 100% |
|             |                          |                                                                                                                 |                                 |                              |                          |                                          |          |                        | 30%                |    |                           |      |  |      |

**BẢNG ĐẠC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA KÌ 1 – TOÁN 8**  
**NĂM HỌC 2024 - 2025**

| TT | Chương/<br>Chủ đề      | Nội<br>dung/Đơn<br>vị kiến<br>thức                                                                                                   | Mức độ đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Số câu/ý hỏi theo mức độ nhận thức |               |             |                 |
|----|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|-------------|-----------------|
|    |                        |                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Nhận<br>biết                       | Thông<br>hiểu | Vận<br>dụng | Vận dụng<br>cao |
| 1  | Biểu<br>thức đại<br>số | <i><b>Đa thức<br/>nhiều<br/>biến. Các<br/>phép<br/>toán<br/>cộng, trừ,<br/>nhân,<br/>chia các<br/>đa thức<br/>nhiều<br/>biến</b></i> | <b>Nhận biết:</b><br>– Nhận biết được các khái niệm về đơn thức, đa thức nhiều biến.                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4c<br>1,0 đ                        |               |             |                 |
|    |                        |                                                                                                                                      | <b>Thông hiểu:</b><br>– Tính được giá trị của đa thức khi biết giá trị của các biến.                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                    | 3c<br>1,0 đ   |             |                 |
|    |                        |                                                                                                                                      | <b>Vận dụng:</b><br>– Thực hiện được việc thu gọn đơn thức, đa thức.<br>– Thực hiện được phép nhân đơn thức với đa thức và phép chia hết một đơn thức cho một đơn thức.<br>– Thực hiện được các phép tính: phép cộng, phép trừ, phép nhân các đa thức nhiều biến trong những trường hợp đơn giản.<br>– Thực hiện được phép chia hết một đa thức cho một đơn thức trong những trường hợp đơn giản. |                                    |               | 1<br>3,0 đ  |                 |
| 2  | Tứ giác                | <i><b>Tứ giác</b></i>                                                                                                                | <b>Nhận biết:</b><br>– Mô tả được tứ giác, tứ giác lồi.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1c<br>0,25 đ                       |               |             |                 |
|    |                        |                                                                                                                                      | <b>Thông hiểu:</b><br>– Giải thích được định lí về tổng các góc trong một tứ giác lồi bằng $360^\circ$ .                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                    | 1<br>0,25 đ   |             |                 |
|    |                        | <i><b>Tính chất<br/>và dấu<br/>hiệu<br/>nhận biết<br/>các tứ<br/>giác đặc<br/>biệt</b></i>                                           | <b>Nhận biết:</b><br>– Nhận biết được dấu hiệu để một hình thang là hình thang cân (ví dụ: hình thang có hai đường chéo bằng nhau là hình thang cân).<br>– Nhận biết được dấu hiệu để một tứ giác là hình bình hành (ví dụ: tứ giác có hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường là hình bình hành).<br>– Nhận biết được dấu hiệu để một hình bình hành là hình chữ nhật (ví           | 4+1/3c<br>1,75 đ                   |               |             |                 |

|                    |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |               |                  |            |          |
|--------------------|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|------------------|------------|----------|
|                    |  | <p>dụ: hình bình hành có hai đường chéo bằng nhau là hình chữ nhật).</p> <p>– Nhận biết được dấu hiệu để một hình bình hành là hình thoi (ví dụ: hình bình hành có hai đường chéo vuông góc với nhau là hình thoi).</p> <p>– Nhận biết được dấu hiệu để một hình chữ nhật là hình vuông (ví dụ: hình chữ nhật có hai đường chéo vuông góc với nhau là hình vuông).</p>                                                       |               |                  |            |          |
|                    |  | <p><b>Thông hiểu</b></p> <p>– Giải thích được tính chất về góc kề một đáy, cạnh bên, đường chéo của hình thang cân.</p> <p>– Giải thích được tính chất về cạnh đối, góc đối, đường chéo của hình bình hành.</p> <p>– Giải thích được tính chất về hai đường chéo của hình chữ nhật.</p> <p>– Giải thích được tính chất về đường chéo của hình thoi.</p> <p>– Giải thích được tính chất về hai đường chéo của hình vuông.</p> |               | 1+2/3c<br>2,75 đ |            |          |
| <b>Tổng Điểm</b>   |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 9+1/3c<br>3,0 | 5+1/3c<br>4,0    | 1<br>3,0   | 0<br>0   |
| <b>Tỉ lệ %</b>     |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 30%           | 40%              | 30%        | 0        |
| <b>Tỉ lệ chung</b> |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <b>30%</b>    | <b>40%</b>       | <b>30%</b> | <b>0</b> |

**ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA KÌ 1 – TOÁN 8  
NĂM HỌC 2025 - 2026**

|                    | ĐỀ 1                                                                                                      | ĐỀ 2                                                                                                            | ĐIỂM                         |
|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| <b>TRẮC NGHIỆM</b> | Mỗi ý đúng được 0,25 điểm                                                                                 | Mỗi ý đúng được 0,25 điểm                                                                                       | 3                            |
|                    | 1. A    2. B    3. D    4. D                                                                              | 1. D    2. A    3. A    4. B                                                                                    |                              |
|                    | 5. C    6. B    7. B    8. A                                                                              | 5. C    6. C    7. A    8. B                                                                                    |                              |
|                    | 9. C    10. A    11. B    12. D                                                                           | 9. A    10. D    11. B    12. B                                                                                 |                              |
| <b>TỰ LUẬN</b>     |                                                                                                           |                                                                                                                 |                              |
| Bài 1              | a) $A = 2x^2y^3 + 3$<br>b) Thay và tính toán đúng<br>$A = 11$                                             | a) $A = x^3y^2 + 6$<br>b) Thay vào tính toán đúng<br>$A = 4$                                                    | 0,5<br>0,5                   |
| Bài 2              | a) $M + N = -3xy + 6x^2 - 1$<br>b) $A = -15$ và KL đúng<br>c) Kq: $3x^3y - \frac{5}{2}xy^2 + 4xy$         | a) $M + N = 3xy - 2y^2 - 4$<br>b) $A = 12$ và KL đúng<br>c) Kq: $3x^3 - \frac{5}{4}x^2y^2 + 3x$                 | 0,5<br>0,5<br>0,5            |
| Bài 3              | a) $5x = 20$<br>$x = 4$<br>b) $-3x + 13 = 4$<br>$x = 3$                                                   | a) $8x = 24$<br>$x = 3$<br>b) $-2x + 2 = 10$<br>$x = -4$                                                        | 0,25<br>0,25<br>0,25<br>0,25 |
| Bài 4              | Đa thức biểu thị diện tích phần đất trồng rau là:<br>$x^2 - y(x - 13)$<br>Tính ra kq:<br>$x^2 - xy + 13y$ | Đa thức biểu thị diện tích phần đất trồng rau là:<br>$(x + 10)(x + y) - x^2$<br>Tính ra kq:<br>$xy + 10x + 10y$ | 0,25<br>0,25                 |
| Bài 5              |                        |                             |                              |
|                    | a) Vẽ đúng hình đến câu a<br>- Trình bày lập luận đúng chứng minh đc: AHMK là hình chữ nhật.              | a) Vẽ đúng hình đến câu a<br>- Trình bày lập luận đúng chứng minh đc: ADME là hình chữ nhật.                    | 0,25<br>0,75                 |
|                    | b) – Cm : $MH = KC$<br>- C/m : tứ giác CMHK là HBH                                                        | b) – Cm : $BD = ME$<br>- C/m : tứ giác MBDE là HBH                                                              | 0,5<br>0,5                   |
|                    | c) – C/m: Tứ giác MEAC là hình bình hành                                                                  | c) – C/m: Tứ giác ABMK là HBH                                                                                   | 0,25                         |

|       |                                                                                                                            |                                                                                                                            |                  |
|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
|       | - lập luận được 3 điểm E;O;C<br>thẳng hàng                                                                                 | - Lập luận được 3 điểm B, I, K<br>thẳng hàng                                                                               | 0,25             |
|       | <b>* Lưu ý:</b> HS làm cách khác đúng vẫn cho điểm tối đa                                                                  |                                                                                                                            |                  |
| Bài 6 | Thay $x + 1 = 2024$ . Rút gọn tính<br>đúng giá trị của $M = -x + 2025$<br>Thay $x = 2024$<br>Suy ra $M = -2024 + 2025 = 1$ | Thay $x + 1 = 2026$ . Rút gọn tính<br>đúng giá trị của $M = -x + 2026$<br>Thay $x = 2025$<br>Suy ra $M = -2025 + 2026 = 1$ | 0,25<br><br>0,25 |

**BGH (HP)**

**TT (NT)**

**GV ra đề**

**Đỗ Thị Nhất**

**Hoàng Mỹ Trinh**

**Nguyễn Hữu Thắng**